

30/4 – Xâm lược hay giải phóng: Từ góc nhìn công pháp quốc tế

Có đủ căn cứ và cơ sở để cho rằng tồn tại hai quốc gia tách biệt trên lãnh thổ Việt Nam từ năm 1955 cho đến năm 1975.

Nguyễn Quốc Tấn Trung

April 28, 2017

" Trước tiên, có đủ căn cứ và cơ sở để cho rằng tồn tại hai quốc gia tách biệt trên lãnh thổ Việt Nam từ năm 1955 cho đến năm 1975.

Cả hai quốc gia đều có lãnh thổ và dân cư xác định, có chính phủ có năng lực kiểm soát hiệu quả; đều từng tham gia vào các hiệp ước, hiệp định quốc tế.

Vì vậy, dù chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) và các đồng minh có tuyên bố chính phủ Việt Nam Cộng hòa là ngụy quân, ngụy quyền, bù nhìn của Mỹ; hay ngược lại, dù chính quyền Việt Nam Cộng hòa có lên án chính quyền miền Bắc là quân cờ của cộng sản, quên lịch sử cha ông, v.v. thì cũng không làm thay đổi danh tính pháp lý của họ theo quy chuẩn pháp luật quốc tế. "



Bài viết này nằm trong số báo [tháng Tư năm 2022](#) của Luật Khoa tạp chí, được phát hành trên [ấn bản PDF](#) ngày 26/4/2022.

Đây là một bài viết mà người đọc cần đi đến cuối bài.

Một cách khách quan, để nhận định một cuộc chiến là một cuộc xung đột nội địa hay quốc tế, trước tiên phải xác định được danh nghĩa pháp lý của các bên tham gia. Cụ thể hơn, họ có được xem là quốc gia (state) theo quy định của pháp luật quốc tế hay không?

Tư cách quốc gia: Sự công nhận của cộng đồng quốc tế quan trọng đến đâu?

Pháp luật quốc tế vẫn chưa có một định nghĩa hay tiêu chuẩn chính thức để xác định danh tính quốc gia. Cho đến nay, các quốc gia, các tổ chức và các học giả quốc tế đều dựa vào bốn tiêu chuẩn từ *Điều ước Montevideo về Quyền và Trách nhiệm của Quốc gia (Montevideo Convention on the Rights and Duties of States)*, ký kết vào năm 1933.

Đây vốn chỉ là một điều ước khu vực giữa các quốc gia thuộc châu Mỹ. Tuy nhiên, theo cân nhắc của nhiều học giả, các tổ chức học thuật có thẩm quyền (như *International Law Association* hay *International Law Commission*) và thực hành của nhiều quốc gia khác nhau, bốn tiêu chuẩn này thật sự chỉ pháp điển hóa tập quán pháp quốc tế. Vì vậy, chúng được xem là căn cứ hợp pháp để xác định tư cách quốc gia.

Bốn tiêu chuẩn được ghi nhận gồm: (1) Lãnh thổ xác định, (2) Dân cư xác định (cả hai tiêu chuẩn này không cần thiết phải tuân thủ theo một số lượng cụ thể), (3) Chính phủ có năng lực kiểm soát hiệu quả và (4) Năng lực tham gia vào điều ước với quốc gia khác.

Có ba điểm cần chú ý trong bộ tiêu chuẩn nói trên.

Một là, khái niệm dân cư không đồng nghĩa với việc nó phải thuộc một nhóm dân tộc, màu da hay tôn giáo nhất định. Theo đó, một quốc gia không nhất thiết chỉ có dân cư thuộc một nhóm dân tộc, màu da hay tôn giáo. Ngược lại, không nhất thiết hai nhóm dân cư cùng thuộc một dân tộc, màu da hay tôn giáo thì phải cùng một quốc gia với nhau.

Hai là, dù năng lực kiểm soát hiệu quả của chính phủ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hình thành quốc gia, điều này không nên được hiểu rằng chính phủ, chính quyền đương thời tương đồng với sự tồn tại của chính quốc gia đó. Ta có thể hiểu rõ hơn vấn đề này thông qua vài ví dụ như Somalia, Palestine, và Đài Loan.

Somalia, tính cho đến nay, có thể đã được xem là “failed state” – “một quốc gia thất bại”, nơi mà chính quyền trung ương biến mất (hoặc không đủ năng lực kiểm soát quốc gia) và được thay thế bởi chủ nghĩa bộ tộc và lãnh chúa địa phương. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là quốc gia Somalia không còn tồn tại và ai cũng có thể xâm chiếm vùng lãnh thổ nói trên.

Tương tự, có thể nói rằng Palestine vẫn chưa có được một chính phủ hiệu quả lãnh đạo một cách thống nhất. Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO) được xem là một đại diện lý tưởng cho Palestine, nhưng tranh chấp bạo lực giữa các phe phái như Hamas hay Fatah vẫn còn đó. Mặc dù vậy, việc không có một chính phủ hiệu quả đại diện cho nhóm dân cư này cũng không đồng nghĩa với việc quốc gia Palestine không tồn tại.

Đài Loan, xét mọi mặt, ở một mức độ mạnh mẽ và rõ ràng hơn, có thể xem là một quốc gia độc lập – đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Montevideo. Tuy nhiên, Đài Loan cũng đang đẩy mình vào thế khó theo mặt pháp lý, với nhiều điểm tương đồng với miền Nam Việt Nam mà bài viết sẽ phân tích ở phần sau.

Ba là, dù yêu cầu thứ tư có nhắc đến việc tham gia vào điều ước quốc tế với quốc gia khác, điều này không đồng nghĩa với việc chính phủ đó phải được cộng đồng quốc tế công nhận. Yêu cầu này nhằm nói đến quyền hạn và năng lực thực thi điều ước nếu được ký kết, không phải nhằm ám chỉ rằng quốc gia đó phải được cộng đồng quốc tế chấp nhận. Hiển nhiên, điều này cũng chỉ mang tính tương đối.

Nhiều học giả đã và đang cân nhắc sức nặng của yếu tố cộng đồng quốc tế, hay cụ thể nhất là việc được tiếp nhận trở thành thành viên của Liên Hiệp Quốc (United Nations – UN). Trên thực tế, được UN hay các cường quốc công nhận là một bước đệm quan trọng, nhưng cộng đồng học thuật và các tổ chức học thuật có thẩm quyền trên thế giới đã đi đến đồng thuận rằng đây không phải, và không nên là một yêu cầu bắt buộc.

Một dân tộc – hai quốc gia? Khả dĩ.

Với những thông tin như trên, chúng ta có thể tập hợp lại và tạo nên một bức tranh chung về “statehood” – tư cách quốc gia của hai miền Nam – Bắc Việt Nam.



Vĩ tuyến 17 chia cắt Việt Nam làm hai miền. Ảnh: BBC.

Trước tiên, có đủ căn cứ và cơ sở để cho rằng tồn tại hai quốc gia tách biệt trên lãnh thổ Việt Nam từ năm 1955 cho đến năm 1975.

Cả hai quốc gia đều có lãnh thổ và dân cư xác định, có chính phủ có năng lực kiểm soát hiệu quả; đều từng tham gia vào các hiệp ước, hiệp định quốc tế.

Vì vậy, dù chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) và các đồng minh có tuyên bố chính phủ Việt Nam Cộng hòa là ngụy quân, ngụy quyền, bù nhìn của Mỹ; hay ngược lại, dù chính quyền Việt Nam Cộng hòa có lên án chính quyền miền Bắc là quân cờ của cộng sản, quên lịch sử cha ông, v.v. thì cũng không làm thay đổi danh tính pháp lý của họ theo quy chuẩn pháp luật quốc tế.

Tuy nhiên, cách nhìn nhận này cũng không hẳn là hoàn toàn không có kẽ hở.

Đầu tiên, cả hai quốc gia đều cho rằng mình là đại diện hợp pháp cho toàn Việt Nam; tương tự như vấn đề “Một Trung Quốc” (One China) giữa Đài Loan và Trung Quốc hiện tại. Điều này cũng đồng nghĩa với việc tranh chấp hai miền mang dáng dấp của một cuộc nội chiến hơn là tranh chấp liên quốc gia. Tuy nhiên, theo người viết, điều này không làm mất đi bản chất nhà nước của hai quốc gia theo tiêu chuẩn của Montevideo.

Thứ hai, phải tính đến luận điểm cho rằng Ngô Đình Diệm, chính quyền Bảo Đại và Hoa Kỳ đã không tôn trọng Hiệp định Geneva và không tuân thủ việc thi hành cuộc tổng tuyển cử 1956 như dự định.

Nhưng nếu cho rằng Hiệp định Geneva giải quyết được vấn đề Việt Nam thì điều này đồng nghĩa với việc không tôn trọng quyền dân tộc tự quyết (self-determination) của một bộ phận người dân Việt Nam, một quyền được quy định tại Khoản 2, Điều 1, Hiến chương Liên Hiệp Quốc. Đặc biệt, bối cảnh pháp lý của hai chính quyền tồn tại song song ở thời điểm này tương đối phức tạp.

Tính chính danh của chính phủ VNDCCH chủ yếu dựa vào cuộc tổng tuyển cử năm 1946. Tính chính danh này càng được tăng cường hơn sau khi vua Bảo Đại chính thức thoái vị và trao lại ấn tín, quốc bảo của hoàng triều Nguyễn cho đại diện chính phủ VNDCCH là Trần Huy Liệu vào ngày 25/8/1945.

Tuy nhiên, với Hiệp định Sơ bộ Pháp - Việt * ngày 6/3/1946, được ký kết giữa ông Jean Sainteny, đại diện chính phủ Cộng hòa Pháp, và ông Hồ Chí Minh cùng ông Vũ Hồng Khanh, đại diện chính phủ VNDCCH, VNDCCH chỉ còn lại phía Bắc Việt Nam (và vẫn thuộc khối Liên hiệp Pháp), còn miền Nam Việt Nam vẫn thuộc nhà nước Cộng hòa Pháp với lời hứa hẹn cho một cuộc trưng cầu dân ý – thống nhất với VNDCCH trong tương lai. Ngày 1 tháng 6 cùng năm, người Pháp thành lập Nam Kỳ Quốc, đặt thủ phủ tại Sài Gòn.

Trong giai đoạn từ 1946 đến 1949, sự cứng đầu của cựu vương – tân Quốc trưởng Bảo Đại đối với các đại biểu Pháp cũng đã giúp Quốc gia Việt Nam thành lập trên cơ sở của Hiệp ước Elysée (8/3/1949). Trải qua nhiều biến cố với cuộc “đảo chính bằng phiếu” của ông Ngô Đình Diệm, chính quyền Quốc gia Việt Nam cũng có nền tảng pháp lý khá tương đồng với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Vì vậy, việc Cộng hòa Pháp tự tiếp tục cho mình toàn quyền sắp đặt ngày tổng tuyển cử với Hiệp định Geneva là can dự vào nội bộ Việt Nam, một việc làm không thỏa đáng, đặc biệt khi chỉ có chính phủ kháng chiến của VNDCCH và nhà nước Cộng hòa Pháp là chấp nhận ký kết hiệp định, còn chính phủ Bảo Đại và Hoa Kỳ đều phản đối hiệp định.

Với tất cả các thông tin nói trên, cần nhắc nền tảng pháp lý tương đồng, năng lực quản lý tương đương, có đầy đủ lý do (theo công pháp quốc tế) để cho rằng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Việt Nam Cộng hòa là hai thực thể nhà nước hoàn toàn độc lập.

Vậy nên, hành vi dùng vũ lực quân sự để tước đoạt chính quyền, lãnh thổ của một quốc gia khác, theo định nghĩa của Điều 1, Nghị quyết 3314 năm 1974 của Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc, hoàn toàn có thể được xem là hành vi xâm lược theo công pháp quốc tế.

<https://www.luatkhoa.com/2017/04>

* Sáng ngày 6-3-1946, một cuộc họp đặc biệt của Hội đồng Chính phủ đã họp với sự có mặt của [Hồ Chí Minh](#) – Chủ tịch Chính phủ; các Bộ trưởng: [Huỳnh Thúc Kháng](#), [Phan Anh](#), [Chu Bá Phượng](#), [Đặng Thai Mai](#), [Trương Đình Tri](#), [Vũ Đình Hòe](#), [Trần Đăng Khoa](#); Cố vấn tối cao [Vĩnh Thụy](#); [Nguyễn Văn Tố](#) – Trưởng ban Thường trực Quốc Hội; [Võ Nguyên Giáp](#) – Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến; [Vũ Hồng Khanh](#) – Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến; [Hoàng Minh Giám](#) – Thư ký Hội đồng Chính phủ. Sau khi nghe Chủ tịch [Hồ Chí Minh](#) báo cáo, Hội đồng bàn bạc và nhất trí quyết định sẽ ký Hiệp định sơ bộ với [Pháp](#) theo các điều kiện đã được thỏa thuận. Vì [Nguyễn Tường Tam](#) vắng mặt nên Hội đồng Chính phủ cử [Vũ Hồng Khanh](#) thay mặt để cùng với [Hồ Chí Minh](#) ký bản Hiệp định sơ bộ với [Pháp](#). Ngày [6 tháng 3](#) năm [1946](#), **Hiệp định sơ bộ Pháp-Việt** được ký kết giữa [Jean Sainteny](#), đại diện chính phủ [Cộng hòa Pháp](#), và [Hồ Chí Minh](#) cùng [Vũ Hồng Khanh](#), đại diện chính phủ [Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](#). Nội dung của Hiệp định bao gồm các điểm chính sau đây:^[5]

- Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do trong [Liên bang Đông Dương](#) và trong khối [Liên hiệp Pháp](#), có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.
- Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đồng ý cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế cho 200.000 quân [Trung Hoa Quốc dân đảng](#) để làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật. Pháp hứa sẽ rút hết quân trong thời hạn 5 năm, mỗi năm rút 3.000 quân.
- Pháp đồng ý thực hiện [trung cầu dân ý](#) tại [Nam Kỳ](#) về việc tái thống nhất với [Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](#).
- Hai bên thực hiện ngừng bắn, giữ nguyên quân đội tại vị trí hiện thời để đàm phán về chế độ tương lai của Đông Dương, quan hệ ngoại giao giữa [Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](#) và nước ngoài và những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam.
- [Quân đội Pháp](#) có trách nhiệm hỗ trợ và huấn luyện cho [Quân đội Nhân dân Việt Nam](#).^[4]

Về phía người Pháp, Hiệp định sơ bộ Pháp – Việt giúp họ đưa quân đội ra miền Bắc Việt Nam mà không gặp sự kháng cự của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như ở [Nam Kỳ](#), đồng thời [Hiệp ước Hoa – Pháp](#) giúp họ tránh khỏi sự cản trở của các tướng lĩnh [Trung Hoa Dân Quốc](#).